

Phòng GD&ĐT quận Bình Thạnh
Trường Mầm non 11B

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

Ngày 23 tháng 04 năm 2025

STT	Diễn giải	Tổng cộng			
		Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
	Hôm trước chuyển sang				74,923
	Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày		37,000	263	9,731,000
	Được chi trong ngày				9,805,923
	Đã chi trong ngày				9,765,665
	1. Dịch vụ				289,300
1	Gas sáng		0	263	0
2	Gas trưa		1,100	263	289,300
	2. Kho				279,000
	Ăn chính				279,000
1	sữa meta care từ 1-6 tuổi	Kg	279,000	1	279,000
	3. Đi chợ				9,197,365
	Ăn chính				9,197,365
1	Gạo tẻ	Kg	27,300	4	109,200
2	Khoai tây	Kg	66,150	4	264,600
3	Nước dừa tươi	Kg	10,500	5	52,500
4	Cà chua	Kg	57,750	3	173,250
5	Cà rốt (củ đỏ, vàng)	Kg	36,750	3	110,250
6	Hành lá (hành hoa)	Kg	78,750	0.3	23,625
7	Hành tây	Kg	36,750	2	73,500
8	Rau ngò	Kg	147,000	0.2	29,400
9	Tỏi	Kg	78,750	0.2	15,750
10	Đường kính	Kg	38,850	3	116,550
11	Ngũ vị hương	Gói	8,640	1	8,640
12	Bột bắp	Gói	15,120	1	15,120
13	Muối iốt	Gói	5,500	1	5,500
14	Sườn non	Kg	262,500	4.5	1,181,250
15	Gia vị lagu	Gói	7,560	5	37,800
16	Dầu ăn Tường An 1L	Chai	66,960	2	133,920
17	Phomai	Hộp	52,920	0	0
18	Bánh mì sandwich	Cây	36,000	35	1,260,000
19	Nước mắm Hồng Hạnh	Kg	78,840	2	157,680
20	Sữa chua ăn TH có đường	Hũ	7,260	263	1,909,380
21	Bí đỏ	Kg	28,350	4	113,400
22	Thịt bò	Kg	336,000	10	3,360,000
23	Củ hành tím	Kg	68,250	0.2	13,650
24	Dầu ăn Tường An 400ml	Chai	32,400	1	32,400
	Chi kho lũy kế từ đầu tháng				7,108,000
	Chi chợ lũy kế từ đầu tháng				143,336,142
	Suất ăn lũy kế từ đầu tháng			4,186	
	Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng				154,882,000
	Đã chi lũy kế từ đầu tháng				154,841,742
	Chênh lệch cuối ngày				40,258

Kế toán

Lương Thị Thân Thương

Phó hiệu trưởng

Nguyễn Thị Diệp Thúy